TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2025/HS-ST
Ngày 12 tháng 8 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Quỳnh Trang**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phạm Văn Bình**

Ông **Đặng Trần Khoa**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Tống Thùy Dương** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Khánh Hòa

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Khánh Hòa tham gia phiên tòa***: Bà **Châu Thị Kim Ngọc** – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Khánh Hòa, xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2025/TLST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2025/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 7 năm 2025 đối với bị cáo:

Lê Văn G, sinh ngày 25 tháng 3 năm 1990, tại: Hà Tĩnh; nơi cư trú: B B, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là phường N, tỉnh Khánh Hòa); chỗ ở hiện nay: C V, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là phường N, tỉnh Khánh Hòa); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn T và bà Phạm Thị C; vợ: Phạm Thị Hồng L, sinh năm 1990, có 02 con: lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2020;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

** Bị hại:* Công ty cổ phần G1

Trụ sở chính: Tòa nhà VTV, số H P, phường M, quận N, thành phố Hà Nội (nay là phường Y, thành phố Hà Nội).

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quốc H, địa chỉ: A đường số I, khu phố E, phường L, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

- Bà Phan Ánh Hoài N, sinh năm 1996, trú tại: 2 L, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là phường T, tỉnh Khánh Hòa). Có mặt.

- Bà Phạm Thị C, sinh năm 1958, trú tại: C V, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (nay là phường N, tỉnh Khánh Hòa). Vắng mặt

** Người làm chứng*

- Ông Nguyễn Trường T1, sinh năm 1983. Vắng mặt.

- Ông Nguyễn Đình T2, sinh năm 1993. Vắng mặt.

- Bà Đặng Thị Bích T3, sinh năm 1974. Vắng mặt.

- Bà Phạm Thị Huyền T4, sinh năm 1985. Vắng mặt.

- Bà Đàm Trân C1, sinh năm 1986. Vắng mặt.

- Bà Đặng Thị Kim P, sinh năm 1988. Vắng mặt.

- Bà Trần Thị Đức H1, sinh năm 1984. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 21/4/2020, Lê Văn G ký hợp đồng dịch vụ MN/364625/2020/HĐDV với Công ty cổ phần G1, địa chỉ làm việc tại kho V, số E N, đường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Theo đó, G có nhiệm vụ giao nhận hàng hóa, thu hộ tiền từ khách hàng trên các tuyến đường A, B1 khu đô thị V và nộp đầy đủ số tiền thu hộ về cho Công ty.

Quy trình giao, nhận hàng hóa, thu tiền, nộp tiền được thực hiện như sau: Sáng 7h30, chiều 13h30 hàng ngày, nhân viên giao hàng sẽ tới kho lấy hàng và dùng tài khoản của Công ty cấp riêng cho nhân viên trên App điện thoại để quét mã trên đơn hàng để lấy hàng, hệ thống sẽ hiển thị thông tin đơn hàng (địa chỉ, số điện thoại người giao, số tiền cần phải thu hộ) ở trong tài khoản của nhân viên đó và nhân viên điều phối sẽ kiểm tra các mã hàng đã quét. Sau khi lấy hàng ở kho, nhân viên giao hàng sẽ tự liên hệ với khách hàng để giao hàng và thu đúng số tiền thu hộ đã hiển thị trên tài khoản của mình. Khi giao hàng thành công, nhân viên giao hàng phải thao tác "đã giao hàng toàn bộ" trên tài khoản, nếu không giao được hàng thì chọn "Delay" hoặc "Hủy đơn hàng". Đến 12h30 và 17h30 hàng ngày thì nhân viên giao hàng về kho gặp nhân viên điều phối bàn giao lại số hàng chưa giao được trong ca và số tiền đã thu hộ được theo thông tin trên App điện thoại.

Trong khoảng thời gian từ ngày 26/7/2020 đến ngày 01/8/2020, G nhận 09 đơn hàng từ Công ty, cụ thể:

Ngày 26/7/2020, G nhận đơn hàng có mã S4851600.BO.MT12.P1.825588321, số tiền thu hộ 2.500.000đ.

Ngày 27/7/2020, G nhận 02 đơn hàng có mã S354821.BO.MT12.P1.712005630, số tiền thu hộ 3.315.000đ và đơn hàng có mã S354821. BO.MT12.P1.820032140, số tiền thu hộ 3.315.000đ.

Ngày 30/7/2020, G nhận đơn hàng có mã S6976312.BO.MT12.P1.623584329, số tiền thu hộ 2.870.000đ.

Ngày 01/8/2020, G nhận 02 đơn hàng có mã S8559939.BO.MT12.P1.696743990, số tiền thu hộ 3.735.000đ và đơn hàng có mã S14268.BO.MT12.P1.714091459, số tiền thu hộ 980.000đ.

Ngày 03/8/2020, G nhận đơn hàng có mã S1442965.BO.MT12.P3.979916523, số tiền thu hộ 2.897.000đ

Ngày 05/8/2020, G nhận 02 đơn hàng có mã S10272758.BO.MT12.A1.777871191, số tiền thu hộ 2.625.000đ và đơn hàng có mã S74533.BO.MT12.P1.981229635, số tiền thu hộ 1.632.000đ

Sau khi nhận hàng, G đã thực hiện giao hàng thành công, nhận đủ số tiền thu hộ từ khách hàng với tổng số tiền là 23.869.000đ nhưng không nộp tiền thu hộ về cho Công ty mà đã thao tác trên phần mềm dữ liệu quá trình giao hàng cho khách từ thành công sang "delay giao hàng" để chiếm đoạt tiền rồi tiêu dùng cá nhân hết.

Đến ngày 11/8/2020, chị Phan Ánh Hoài N là nhân viên quản lý và điều phối hàng hóa của Công ty kiểm tra trên hệ thống phần mềm phát hiện 09 đơn hàng trên của G bị tồn đọng, delay (chưa nhận hàng). Tuy nhiên kiểm tra thực tế kho thì không thấy số hàng tồn và xác nhận được với khách hàng họ đã nhận hàng và giao đủ tiền cho nhân viên giao hàng. Chị N đã yêu cầu G nộp tiền về cho Công ty nhưng G không thực hiện. Sau đó, G tự ý nghỉ việc, không thanh toán lại tiền cho Công ty.

Ngày 17/9/2020, đại diện của Công ty cổ phần G1 có đơn tố cáo Lê Văn G về hành vi chiếm đoạt tài sản của công ty.

Tại bản Cáo trạng số 02/CT-VKSNT ngày 01 tháng 7 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Khánh Hòa đã truy tố bị cáo Lê Văn G về tội "Tham ô tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Khánh Hòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Văn G từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù về tội "Tham ô tài sản".

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường thiệt hại, bị hại không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

- Bị cáo Lê Văn G khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Thị C và người làm chứng vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt của những người này không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Căn cứ vào Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh K), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Khánh Hòa), Kiểm sát viên đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Văn G đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp lời khai của bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đủ cơ sở kết luận:

Từ ngày 26/7/2020 đến ngày 01/8/2020, lợi dụng nhiệm vụ được thu hộ tiền từ khách hàng, Lê Văn G đã nhiều lần giao hàng thành công, nhận tiền thu hộ từ khách hàng tổng cộng là 23.869.000đ nhưng Lê Văn G không nộp số tiền thu hộ trên về cho Công ty cổ phần G1 mà chiếm đoạt tiêu dùng cá nhân.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tham ô tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Khánh Hòa đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến hoạt động kinh doanh bình thường, đúng đắn và quyền sở hữu tài sản hợp pháp của cơ quan, tổ chức được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc, cách ly ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường toàn bộ thiệt hại và được bị hại bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự và áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị C vắng mặt tại phiên tòa nhưng hồ sơ vụ án thể hiện bị hại đã được bồi thường toàn bộ thiệt hại và không yêu cầu gì thêm; bà C không có yêu cầu gì. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 353; điểm b, s Khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo **Lê Văn G 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù** về tội "Tham ô tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên không xem xét.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Bị cáo Lê Văn G phải nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 1 – Khánh Hòa;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Bị cáo; bị hại, NLQ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Quỳnh Trang